

Chữ Nôm Và Cổ Văn Việt Nam

Điều Tàn

Chữ Nôm xuất hiện

Các cụ ta gọi là chữ Nôm, có nghĩa là chữ của người phía Nam, khác với chữ ở phía Bắc, chữ Hán của Trung Quốc, tương tự như gọi thuốc herbal của Trung Quốc là thuốc Bắc, gọi thuốc cổ truyền Việt là thuốc Nam. Cũng từ nôm có nghĩa là đơn giản, dễ hiểu, thực thà, rõ ràng trong tính từ nôm na

Đã có nhiều lập luận bác bỏ hẳn giả thiết dẫn đến việc đặt ra chữ Nôm:

Ông Nguyễn Thuyên, sau được vua nhà Trần đổi họ là Hàn, có ý so sánh với Hàn Dũ, nhân chuyện làm văn tấu đọc lên để đuổi được cá sấu đi Nguyễn Thuyên chỉ là người đầu tiên làm thơ theo luật Đường có đơn giản hóa đi chút ít, nên được gọi là Hàn luật, chắc chắn ông không phải là người chế tác ra chữ Nôm.

Còn lại giả thiết thứ nhất là do Sĩ Nhiếp thời Tam Quốc, một quan Trung Quốc cai trị nước ta thời đó đặt ra (187 -226) để dạy người Việt học kinh sách Khổng giáo cho mau Ngoài ra cũng dùng để lập sổ đinh, như sổ hộ khẩu, để kiểm soát dân. Muốn ghi tên những người có tên nôm na như Kèo, Cột, Bèo, Ổi, Mít.... chữ Hán không có, phải có một thứ chữ thích ứng để diễn tả.

Giả thiết thứ hai là do giới tăng lữ, thầy pháp đặt ra Thời xưa uy thế của giới thần quyền này khá mạnh khi đạo Phật chưa du nhập Việt Nam. Gặp những tên chủ nhà như đã nêu trên, phải đặt ra thứ chữ mới để viết vào sổ, điệp cúng bái

Liên hệ giữa Hán và Nôm

Điều khó khăn cho dân là nếu không đi học chữ Hán thì không đọc, không viết được chữ Nôm. Chữ Nôm chỉ là thứ chữ mượn từ hình dạng cho đến ngữ liệu của chữ Hán để tiện dụng cho người Việt. Bởi chúng hiểu rằng tiếng Việt chúng ta có nhiều thành tố vay mượn từ tiếng Mường, Thái, Mã Lai, Cam pu chia và Trung Quốc chứ không phải hoàn toàn là dùng Hán - Việt. Trong văn viết chúng ta dùng nhiều từ Hán - Việt, nhưng trong văn nói chúng ta ít dùng. Vậy những từ không phải gốc

Trung Quốc ta sẽ viết ra sao Đó là nguyên nhân chính tiền nhân ta đã giải quyết là phải đặt ra một thứ chữ đáp ứng nhu cầu đó.

Mới đầu chỉ là những chữ Nôm lẻ tẻ, dùng để ghi tạm tên địa danh, tên người, tên sản vật của mình xen lẫn với chữ Hán, sau đó dần dần mới lập thành một hệ thống. Thời gian hình thành không xác định được rõ là bao lâu, có thể là đã bắt nguồn từ khi có Tây lịch.

Trí thức thời xưa, tức các thầy đồ, học sinh, quan lại ta dịch từ Hán sang Nôm và từ Nôm sang Hán được. Người Trung Quốc muốn học chữ Nôm của ta họ sẽ học rất nhanh, vì có một số chữ Nôm ta mượn nguyên chữ Hán, không thêm bớt gì cả. Tất nhiên sau này học sinh học chữ Quốc ngữ (văn La tinh) không cần phải học chữ Hán hay chữ Nôm, nhưng nếu nói tiếng mẹ đẻ và viết chữ quốc ngữ mà biết thêm chữ Hán hoặc hiểu nghĩa từ Hán - Việt sẽ có trình độ cao hơn, văn hoa hơn cũng như nhà văn, nhà thơ nào có vốn chữ Hán, hay hiểu nghĩa Hán - Việt sẽ sáng tác theo phái cổ điển sẽ chính xác hơn.

Nói chung chữ chân phương Hán tự, thoát nhìn vào so với chữ Nôm cũng kiểu chân phương, khó phân biệt được. Tuy nhiên, chữ Nôm không thành hình và phát triển thành một hệ thống văn tự tạo âm, biểu ý cho tiếng Việt một cách nhanh chóng. Sự chậm chạp ở đây không phải do khó kha (n về về việc tạo chữ mà điều kiện tiên quyết là phải dành lại tự chủ, độc lập trước đã. Đến khi đó, nhu cầu dùng chữ Nôm mới

trở thành cấp thiết cho đời sống văn hóa và tinh thần chúng ta

Như thế, khi đã được độc lập vững chắc, ý thức dân tộc đã mạnh mẽ hệ thống chữ Nôm dần dần trở thành văn tự nghiêm chỉnh, các văn bản chữ Nôm mới dần dần xuất hiện. Bản văn đuôi cá sấu và các tác phẩm khác của Hàn Thuyên đều bị thất truyền. Những văn bản chữ Nôm từ nhà Trần còn lưu lại ngày nay là bài phú ca ngợi đời sống tu Thiền như: Cư Trần lạc đạo phú; Đắc thú lâm tuyền thành đạo ca; Vịnh Hoa Yên tự phú) trong sách Thiền tông bản hạnh năm 1745.

Vai trò chữ Nôm không phải là xuất hiện để tranh giành vai trò của chữ Hán mà là để cùng với chữ Hán phục vụ đời sống tinh thần, công việc hành chính và đào tạo nhân tài cho người Việt rồi Khi chữ Nôm ra đời và dần dần được hoàn hảo thì chữ Hán đã hiện diện từ lâu đời Đó không phải là do uy thế của chính chữ Hán mà là do ưu thế của văn hóa Trung Quốc có sức lan rộng trong vùng Đông Á một vài nước đã chủ động tiếp nhận như Hàn Quốc, Nhật Bản.

Trong lịch sử đã có hai vị vua là Hồ Quý Ly và Nguyễn Huệ rất chú trọng đến chữ Nôm. Hồ Quý Ly đã cho viết sắc bằng chữ Nôm, chỉ thị các quan phải viết biểu tấu bằng chữ Nôm và cho dịch Kinh Thi ra chữ Nôm. Nguyễn Huệ gốc bình dân cũng thực hiện như nhà Hồ, lại còn tiến mạnh hơn nữa là ra lệnh cho các chánh chủ khảo các kỳ thi phải ra đề thi bằng chữ Nôm.

1. Khả năng chữ Nôm

Chữ Nôm có khả năng ra sao để cùng chữ Hán chung sức gây dựng nên ngữ văn cổ Việt Nam?

a- Có những khu vực mà chữ Hán tỏ ra yếu thế hoặc bất lực, phải nhường chỗ cho chữ Nôm như các dân tộc khác, người Việt trước khi có chữ viết, đã có một kho tàng văn hóa truyền khẩu súc tích, đa dạng. Đó là những câu chuyện kể, những câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ, câu đố, những lời ru, tiếng hò v... ..Hẳn nhiên là để ghi chép, sưu tầm, hiệu đính kho tàng văn hóa truyền khẩu này thích hợp nhất vẫn là trực tiếp dùng dùng chữ Nôm. Sau đây là những sưu tầm viết bằng chữ Nôm như quyển Ly hạng ca dao, ghi chép 256 bài ca dao, quyển Nam Quốc phương ngôn tục ngữ bị lục, gồm 27 mục ghi các bài ca dao tục ngữ, câu đố; quyển Nam ca tân truyện ghi lại các bài hát cổ theo các điệu ca ở Huế v. v... ..và một số những vở tuồng cổ, chèo cổ như Văn Duyên diễn hí; Trương Viên diễn ca; Lưu Bình trò, v. v... ..

b- Viết chữ Nôm dưới hình thức văn vần xem như hiệu quả nhất, thích hợp nhất để truyền bá, phổ biến tri thức đến dân chúng..

Đó là những bộ sách diễn ca (chuyển thành thơ) lịch sử như Việt sử diễn âm, thế kỷ XVI; Thiên nam minh giám, đầu thế kỷ XVI; Đại Nam quốc sử diễn ca, thế kỷ XIX; v.v. ... Đa số dân chúng không biết chữ Hán và chữ Nôm vì không đủ điều kiện đi học, nhưng nhờ có những tác phẩm văn vần chữ nôm đó họ được nghe, mãi rồi thuộc lòng từng đoạn có khi thuộc cả tác phẩm dài hàng ngàn câu Cũng giống như thể về sách chữ Nôm diễn ca, diễn âm về luật lệ như Hoàng Việt luật lệ toát yếu diễn ca, về y học như Chẩn đậu diễn ca, v.v...

c- Chữ Nôm có vai trò nổi bật trong sáng tác văn chương. Mặc dù văn nhân, thi sĩ mọi thời đều đã dùng chữ Hán làm thơ, viết truyện, nhưng chỉ có với chữ Nôm, người Việt mới tạo nên những tác phẩm bất hủ. Tập thơ Nôm có niên đại sớm nhất còn lưu truyền là Quốc âm Thi tập của Nguyễn Trãi (1380 - 1420) sau đó là Bạch vân Am quốc ngữ thi của Nguyễn Bình Khiêm (1491 - 1585)

Điều đáng ghi nhận là với chữ Hán các tiền nhân viết những tập truyện ngắn và tiểu thuyết văn xuôi, còn với chữ Nôm gần như các cụ chỉ làm thơ Sở trường và thành công nhất vẫn là thơ ca trường thiên theo thể lục bát và song thất lục bát.

Bằng hai thể thơ giàu dân tộc tính này, vào cuối thế kỷ XVII và đầu thế kỷ

XIX văn học cổ điển Việt Nam có những tác phẩm xuất sắc khiến thế giới phải biết đến là Chinh phụ Ngâm khúc của Đoàn Thị Điểm (1705 - 1748); Truyện Kiều (Đoạn trường tân thanh) của Nguyễn Du (1766 -1820). Chúng ta còn các tên tuổi sáng giá khác nữa từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX như: Nguyễn Huy Tự, Nguyễn Gia Thiều, Phạm Thái, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Công Trứ, Trần Tế Xương v.v. ..Chính nhờ ở những tác giả này tiếng Việt hấp thụ hai nguồn văn tự là chữ Hán và văn tự văn hóa dân gian, chữ Nôm, để trở thành một ngôn ngữ văn học sáng chói và giàu sức diễn đạt.

2. Phối hợp với chữ Hán

Ngoài ra chữ Nôm không hoạt động đơn độc mà đã phối hợp với chữ Hán tạo nên những tác phẩm, bổ túc nhau sáng tác và truyền bá văn hóa Có thể nhận thấy điểm này qua những chi tiết sau đây:

a- Không kể những chữ Nôm lẻ tẻ có thể xuất hiện bất cứ trong tác phẩm chữ Hán, văn bác học, khi cần thiết còn được dùng xen kẽ với chữ Hán để ghi chép những điều đã có trong bài trước. Chữ Nôm cũng xuất hiện dùng để viết các câu đối, hoành phi, bia đá chuông đồng ở đình chùa miếu mạo Có một thể loại thơ ca rất được lớp nho sĩ ưa chuộng là bài hát nói (ca trù). Trong đó giữa những lời hát thuần chữ Nôm có xen kẽ mấy câu rất chữ Hán.

b- Chữ Nôm đã đặc lực trong việc phiên chuyển văn bản và phổ biến văn hóa phẩm. Thí dụ:

Các kinh sách cổ điển của học thuyết Nho, đạo Lão, đạo Phật, đạo Khổng, từ Hán văn được dịch sang chữ Nôm theo hai cách: lược thuật theo ý và chuyển thành thơ chữ Nôm như quyển Luận ngữ thích nghĩa ca diễn Nôm theo thể lục bát 20 thiên trong quyển Luận ngữ. Hai là dịch thẳng từng câu Hán văn sang câu chữ Nôm như quyển Thi Kinh giải âm dịch toàn bộ hơn 300 bài thơ trong Thi Kinh, một bộ kinh trong Ngũ Kinh của Trung Quốc sang chữ Nôm (theo lệnh của Hồ Quý Ly, nhà Hồ)

Một số văn bản từ các ngôn ngữ Tây phương cũng được dịch sang văn xuôi chữ Nôm như các bộ Các Thánh truyện (1650) do Jeromjimo Majorica soạn, với mục đích truyền giáo

Một số văn xuôi chữ Hán của tác giả Việt cũng được hậu sinh dịch sang văn xuôi chữ Nôm theo lối dịch thẳng từng câu Có thể kể đến bản giải âm đồn rằng của Nguyễn Thế Nghi (thế kỷ XVII) trong bộ Truyền kỳ mạn lục của Nguyễn Dữ (thế kỷ XVI), và phần dịch chữ Nôm trong quyển Cổ Châu Phật bản hạnh ngữ lục (thế kỷ XVI).

Có một loạt sách giáo khoa, trong đó chữ Nôm dùng để giải nghĩa từ ngữ chữ Hán, soạn ra theo thể thơ Dùng những bộ sách này, người học có thể vừa học được chữ Hán vừa học được chữ chữ Nôm:

Chỉ nam Ngọc âm giải nghĩa thế kỷ XVII
Tam thiên tự giải âm Ngô thì Sĩ thế kỷ XVII
Nhật dụng thường đàm Phạm đình Hồ thế kỷ XVIII
Tự học giải nghĩa ca thời Tự Đức thế kỷ XIX
Đại Nam quốc ngữ Nguyễn văn San thế kỷ XIX v.v. ...

3. In thủ công

Chữ Hán và chữ Nôm dù được dùng riêng biệt hay phối hợp với nhau đều được viết và in theo lối thủ công cổ truyền.

Viết tay bằng bút lông lên những mặt phẳng giấy, lụa, vải hoặc dùng đục, chạm khắc lên các chất liệu cứng như gỗ, đá, kim khí để làm thành những bản văn trên bia, biển, chuông. ..Dùng gỗ khắc ngược chữ để làm khuôn in hàng loạt lên giấy, lụa Nhờ vào lối in thủ công này mà các tác phẩm chữ Hán, chữ Nôm được phổ biến rộng, khuyến khích phát triển nền ngữ văn trong nhiều thế kỷ. Mãi đến thập niên đầu thế

kỷ XX, nhiều nhà sách ở Hà Nội vẫn cho khắc ván in đi in lại nhiều lần những tác phẩm Hán Nôm và vẫn có nhiều độc giả mua đọc.

4. Cách đọc chữ Hán-Việt

Có nhiều giả thiết về cách đọc chữ Hán - Việt. Theo Bình Nguyên Lộc, thì nguồn gốc ở các ông thầy Trung Quốc từ Bắc Kinh qua dạy người Việt chữ Hán, vì âm Bắc Kinh nghe gần giống với giọng đọc Hán - Việt. Giả thiết khác cho rằng những ông thầy đó là chỉ ở vùng Quảng Đông, Quảng Tây đến thôi. Theo nhiều tác giả khác cho rằng người Việt chủ động dùng chữ Hán ngay từ thế kỷ X trở đi đã đọc theo cách phát âm cuối đời Đường, đầu đời Tống. Sau đó dần dần chỉ có người Việt dạy chữ Hán người Việt, đã rồi bỏ cách phát âm nguyên thủy của nó để nghiêng dần về ngữ âm tiếng thuần Việt.

Với cách phát âm này ngôn ngữ Trung Quốc trở thành quen thuộc với người Việt Nam, do đó có cảm nghĩ dùng ngôn ngữ nước ngoài cũng bị quên đi.

Từ đầu thế kỷ XX, các giáo sĩ Tây phương với mục đích truyền giáo đã chuyển âm tiếng Việt để đặt ra chữ Quốc ngữ bằng vần La tinh. Chữ quốc ngữ đã thay thế hầu hết vai trò của chữ Hán và chữ Nôm trong các lĩnh vực. Tuy vậy với tuổi thâm niên của nền ngữ văn cổ Hán Nôm, công sức thể hiện và chuyên chở văn hóa cổ truyền của hai thứ chữ này sẽ không bao giờ bị bỏ quên. Trong tâm hồn người Việt, chữ Hán và chữ Nôm vẫn mãi mãi là nhịp cầu nối quá khứ với tương lai trong đời sống văn hóa và tinh thần từ lớp trí thức đến giới bình dân.